

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-02-2023

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TB

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Nụ.

2. Ông Nguyễn Thế Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TB.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị H** - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn VT, xã DB, huyện AD, thành phố HP.

\* **Bị đơn:** Anh **Mai Xuân T** - Sinh năm 1988.

ĐKHK: Thôn TH, xã VT, huyện VT, tỉnh TB.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Mai Xuân T2** - Sinh năm 1963.

- Bà **Bùi Thị H2** - Sinh năm 1968.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn TH, xã VT, huyện VT, tỉnh TB.

(Chị H, anh T, ông T2, bà H2 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Đơn xin vắng mặt; Nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:* Chị và anh Mai Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VT, tỉnh TB ngày 29/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2015 anh T đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Tháng 7/2017, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị và anh T không ở cùng địa chỉ nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 12/2018 chị và anh T sống ly thân ít liên lạc với nhau. Tháng 9/2022, chị về Việt Nam hai bên tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Xuân T.

Chị và anh Mai Xuân T có 01 con chung là Mai Xuân T3, sinh ngày 13/6/2015. Hiện nay con chung đang ở với bố mẹ anh T. Ly hôn chị và anh T thỏa thuận, anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng do anh T đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được, chị đồng ý việc anh T ủy quyền cho ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị H2 (bố mẹ anh T) nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi anh T về nước. Về cấp dưỡng nuôi con giữa chị, anh T và ông T, bà H2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị và anh Mai Xuân T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

*\* Tại Bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - anh Mai Xuân T trình bày:* Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VT, tỉnh TB ngày 29/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2015 anh đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Tháng 7/2017, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi chị H đi Đài Loan vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 12/2018, anh và chị H không còn liên lạc, quan tâm nhau và sống ly thân. Tháng 9/2022, chị H về Việt Nam và nay làm đơn xin ly hôn anh, anh nhất trí.

Anh và chị Phạm Thị H có 01 con chung là Mai Xuân T3, sinh ngày 13/6/2015. Hiện nay con chung đang ở với bố mẹ anh. Ly hôn anh và chị H thỏa thuận, anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng do anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi con chung được, anh ủy quyền cho ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị H2 (bố mẹ anh) nuôi dưỡng con chung trong thời gian anh đi lao động làm ăn xa nhà. Về cấp dưỡng nuôi con chung giữa

anh, chị H và ông T2, bà H2 hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh và chị Phạm Thị H không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, không về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

\* *Tại Bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* - ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị H2 trình bày: Ông bà là bố mẹ của anh Mai Xuân T. Chị Phạm Thị H và anh Mai Xuân T có 01 con chung là cháu Mai Xuân T3, sinh ngày 13/6/2015. Hiện nay cháu T3 đang ở với ông bà. Ly hôn anh T và chị H thỏa thuận, anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, về cấp dưỡng nuôi con anh T và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được, anh T ủy quyền cho ông bà nuôi giúp cháu T3 trong thời gian anh T đi lao động ở nước ngoài ông bà đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi cháu T3 ông bà và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Mai Xuân T.

- Về quan hệ con chung: Anh Mai Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Mai Xuân T3, sinh ngày 13/6/2015. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Chấp nhận việc anh Mai Xuân T ủy quyền cho ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị H2 nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Mai Xuân T3 trong thời gian anh T lao động làm ăn ở nước ngoài.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**\* Về tố tụng:** Chị Phạm Thị H, anh Mai Xuân T, ông Mai Xuân T2, bà Bùi Thị H2 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**\* Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Xuân T và chị Phạm Thị H kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VT, tỉnh TB ngày 29/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2015, tháng 7/2017 anh T và chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Quá trình chung sống tại Đài Loan vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa và đã sống ly thân tự lo liệu cuộc sống riêng từ tháng 12/2018. Nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Mai Xuân T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Mai Xuân T có 01 con chung là cháu Mai Xuân T3, sinh ngày 13/6/2015. Hiện nay cháu T3 đang do ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị H2 (bố mẹ anh T) nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H và anh T thỏa thuận giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu T3 có đơn xin ở với bố. Do anh T đang ở nước ngoài nên không trực tiếp nuôi con được, anh T ủy quyền cho ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị H2 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T3 đến khi anh T về Việt Nam, các đương sự đều đồng ý cần chấp nhận. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi cháu Mai Xuân T3, do anh T, chị H và ông T2, bà H2 tự thỏa thuận nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Mai Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Mai Xuân T.

**2. Về quan hệ con chung:** Giao cho anh Mai Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Mai Xuân T3, sinh ngày 13/6/2015. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Chấp nhận việc anh Mai Xuân T ủy quyền cho ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị H2 nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Mai Xuân T3 trong thời gian anh T lao động làm ăn ở nước ngoài.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005548 ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị H, anh Mai Xuân T, ông Mai Xuân T2, bà Bùi Thị H2. Chị H, ông T2, bà H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- UBND xã VT, h. VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Phương Thảo**